

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-ST

Ngày 24 tháng 4 năm 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Vĩnh

Bà Nguyễn Thị Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Dương Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2020/TLST - HS ngày 09 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020HSST – QĐ ngày 17/4/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn L, sinh ngày 08 tháng 9 năm 1990.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà: Lê Thị X; vợ, con: chưa có. Tiền án, Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 26/12/2019 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Đỗ Xuân O, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1986.

Nơi cư trú: thôn M, xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Xuân T (đã chết) và bà: Lê Thị T; có vợ là: Ngô Thị H; có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, Tiền sự:

không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 26/12/2019 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Đỗ Thị C, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1961.

Nơi cư trú: thôn L, xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/10; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Quang N (đã chết) và bà: Đỗ Thị T; có chồng là: Lê Văn H; có 04 con, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1992. Tiền án, Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 26/12/2019 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Nguyễn Tiến H sinh ngày 02 tháng 8 năm 1978.

Nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Danh T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T; có vợ là: Nguyễn Thị T; có 03 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 26/12/2019 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Lê Văn K, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1965.

Nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T (đã chết) và bà: Lê Thị K (đã chết); có vợ là: Đỗ Thị S; có 04 con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1994. Tiền án, Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2019 đến ngày 31/12/2019 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Đỗ Văn B, sinh ngày 08 tháng 4 năm 1995.

Nơi cư trú: thôn Đ xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn L (đã chết) và bà: Nguyễn Thị H; có vợ là: Ngô Thị H; vợ, con: chưa có. Tiền án, Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 26/12/2019 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Hoàng Xuân B, sinh ngày 09 tháng 8 năm 1987.

Nơi cư trú: thôn L, xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Kim C và bà: Nguyễn Thị Hồng M; có vợ là: Nguyễn Thị Kim N; có 01 con, sinh năm 2019. Tiền án, Tiền sự: không. Bị cáo

bị tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 26/12/2019 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17/12/2019, Nguyễn Văn L gọi điện rủ Đỗ Xuân O đến nhà Đỗ Thị C ở thôn L, xã N để đánh bạc ăn tiền, O đồng ý. Sau đó O gọi điện rủ Hoàng Xuân B đến nhà C đánh bạc, B đồng ý. Khoảng gần 20 giờ cùng ngày L đến nhà C và nói : *“Bà ơi cho chúng cháu ngồi tí”*, C hiểu L hỏi ngồi đánh bạc ăn tiền nên đồng ý, cùng lúc có Đỗ Văn B đến nhà C ngồi chơi, sau đó L đi đón O đến để cùng đánh bạc. Khi B đến thì L, Biên, O và B đi vào bếp nhà C, tại đây đã có sẵn hai chiếu nhựa chải trên nền nhà, L lấy bộ bài tú lơ khơ có sẵn trên nóc hòm lọc bỏ số lá bài từ 10-K, thống nhất đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi Ba Cây, mức đặt thấp nhất 20.000đ/1 ván và L cầm chương đầu tiên. L, B, O và B đánh bạc được khoảng 10 phút thì C pha nước để phục vụ các bị can đánh bạc và đóng cổng, cài then cửa cổng lại để tránh bị phát hiện. Khoảng 20 giờ 50 phút cùng ngày, Lê Văn K và Nguyễn Tiến H đến tham gia đánh bạc cùng. Tất cả đánh bạc đến khoảng 21 giờ 40 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Sông Lô phát hiện, bắt quả tang.

Tang vật thu giữ: Trên chiếu bạc số tiền 5.750.000đ, 36 quân bài tú lơ khơ (từ A-9); 02 chiếu nhựa; 16 quân bài tú lơ khơ (từ 10-K) cạnh chiếu bạc; thu của O 01 điện thoại Sam Sung và 01 điện thoại Nokia; của L 01 điện thoại Nokia; của K 01 ví giả da, 01 điện thoại Nokia và số tiền 800.000đ trên người; của H 01 điện thoại Iphone màu trắng, 01 ví giả da và số tiền 5.000.000đ trên người; của B 01 điện thoại Sam Sung màu vàng; của B 01 ví giả da và 01 điện thoại Sam Sung.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên và khai nhận: Khi tham gia đánh bạc H có 5.600.000đ, O có 2.000.000đ, Ly có 1.650.000đ, K có 1.100.000đ, B có 800.000đ và B có 400.000đ đều đã và sẽ sử dụng để đánh bạc.

* Vật chứng vụ án thu giữ: Số tiền 11.550.000đ, 02 chiếu nhựa và 52 quân bài tú lơ khơ; 01 điện thoại Nokia N150 của L, 01 điện thoại Nokia 105 của O, 01 điện thoại Sam Sung galaxy J6 màu đen của B, 01 điện thoại Sam Sung Galaxy J7 Pro màu đen của O; 01 điện thoại Nokia TA-1080, 01 ví giả da

của K; 01 điện thoại Iphone 6S màu trắng, 01 ví giả da của H; 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro của B; 01 ví giả da của B .

Cáo trạng số: 05/CT-VKS ngày 05 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô truy tố Nguyễn Văn L, Đỗ Xuân O, Đỗ Thị C, Nguyễn Tiến H, Lê Văn K, Đỗ Văn B, Hoàng Xuân B về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự đối với tất cả các bị cáo Nguyễn Văn L, Đỗ Xuân O, Đỗ Thị C, Nguyễn Tiến H, Lê Văn K, Đỗ Văn B, Hoàng Xuân B. Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo K.

Đề nghị tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Đỗ Xuân O, Đỗ Thị C, Nguyễn Tiến H, Lê Văn K, Đỗ Văn B, Hoàng Xuân B phạm tội “Đánh bạc”. Xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Văn L từ 11(mười một) tháng đến 13 (mười ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Đỗ Thị C từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Nguyễn Tiến H từ 10 (mười) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Lê Văn K từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Đỗ Văn B, Đỗ Xuân O, Hoàng Xuân B từ 09 (chín) tháng đến 11 (mười một) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý vật chứng của vụ án theo luật định.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn L, Đỗ Xuân O, Đỗ Thị C, Nguyễn Tiến H, Lê Văn K, Đỗ Văn B, Hoàng Xuân B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, ăn năn hối hận, các bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện viện kiểm sát,

không có ý kiến tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng các bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Sông Lô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn L, Đỗ Xuân O, Đỗ Thị C, Nguyễn Tiến H, Lê Văn K, Đỗ Văn B, Hoàng Xuân B khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo thừa nhận đã đánh bạc bằng hình thức chơi “ba cây” với số tiền 11.550.000đ vào ngày 17/12/2019 tại nhà riêng của bị cáo Đỗ Thị C thuộc thôn L, xã N, huyện Sông Lô như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng và không có lời bào chữa nào khác.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các lời khai của chính các bị cáo, bản kiểm điểm của các bị cáo, lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Văn L, Đỗ Xuân O, Đỗ Thị C, Nguyễn Tiến H, Lê Văn K, Đỗ Văn B, Hoàng Xuân B phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015.

Điều luật quy định: “1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Do đó bản Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 5/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Đỗ Xuân O, Đỗ Thị C, Nguyễn Tiến H, Lê Văn K, Đỗ Văn B, Hoàng Xuân B về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

3. Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy, phải đưa ra xử lý trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

Hội đồng xét xử đã cân nhắc, xem xét đến tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo Nguyễn Văn L, Đỗ Xuân O, Đỗ Thị C, Nguyễn Tiến H, Lê Văn K, Đỗ Văn B, Hoàng Xuân B sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo nhất thời ham vui nên phạm tội, đều là những lao động chính trong gia đình, đều có nhân thân tốt. Tuy vậy, bị cáo L là người rủ rê, bị cáo O là người gọi điện rủ bị cáo B tham gia đánh bạc; bị cáo C là chủ nhà, có hành vi giúp sức cho các bị cáo đánh bạc; bị cáo Nguyễn Tiến H tham gia chơi với thời gian ngắn nhưng sử dụng số tiền lớn nhất so với các bị cáo còn lại để đánh bạc. Do vậy, các bị cáo có vai trò lớn hơn, phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại. Riêng bị cáo K có bố là ông Lê Văn T là người có công với cách mạng nên còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy chỉ cần xử phạt các bị cáo một mức án tù nhất định nhưng cho hưởng án treo, giao các bị cáo cho UBND xã nơi cư trú quản lý giáo dục cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “ *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản có giá trị lớn, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền 11.550.000đ thu giữ, là tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Đối với 02 chiếu nhựa và 52 quân bài tú lơ khơ là công cụ, phương tiện

phạm tội, không còn giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại Nokia N150 của L, 01 điện thoại Nokia 105 của O, 01 điện thoại Sam Sung galaxy J6 màu đen của B, các bị cáo đã sử dụng liên lạc phạm tội nên cần tịch thu, bán sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại Sam Sung Galaxy J7 Pro màu đen của O; 01 điện thoại Nokia TA-1080, 01 ví giả da của K; 01 điện thoại Iphone 6S màu trắng, 01 ví giả da của H; 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro của B; 01 ví giả da của B. Do không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho các bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

6. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Đỗ Xuân O, Đỗ Thị C, Nguyễn Tiến H, Lê Văn K, Đỗ Văn B, Hoàng Xuân B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Đỗ Xuân O, Đỗ Thị C, Nguyễn Tiến H, Lê Văn K, Đỗ Văn B, Hoàng Xuân B phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 47; Điều 48; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí đối với tất cả các bị cáo Nguyễn Văn L, Đỗ Xuân O, Đỗ Thị C, Nguyễn Tiến H, Lê Văn K, Đỗ Văn B, Hoàng Xuân B. Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn K.

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho UBND xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. *“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho án treo”*. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Bị cáo Đỗ Xuân O 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án

sơ thẩm. Giao bị cáo Đỗ Xuân O cho UBND xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. *“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho án treo”*. Trường hợp bị cáo Đỗ Xuân O thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Bị cáo Đỗ Thị C 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đỗ Thị C cho UBND xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. *“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho án treo”*. Trường hợp bị cáo Đỗ Thị C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Bị cáo Nguyễn Tiến H 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Tiến H cho UBND xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. *“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho án treo”*. Trường hợp bị cáo Nguyễn Tiến H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Bị cáo Lê Văn K 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Văn K cho UBND xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. *“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho án treo”*. Trường hợp bị cáo Lê Văn K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Bị cáo Đỗ Văn B 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đỗ Văn B cho UBND xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. *“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho án treo”*. Trường hợp bị cáo Đỗ Văn B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Bị cáo Hoàng Xuân B 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 08(tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hoàng Xuân B cho UBND xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. *“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho án treo”*. Trường hợp bị cáo Hoàng Xuân B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước: số tiền 11.550.000đ. Tịch thu tiêu hủy: 02 chiếc nhựa và 52 quân bài tú lơ khơ. Tịch thu, bán sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại Nokia N150 của L, 01 điện thoại Nokia 105 của Oai, 01 điện thoại Sam Sung galaxy J6 màu đen của B.

Trả lại cho: Đỗ Xuân O 01 điện thoại Sam Sung Galaxy J7 Pro màu đen; Lê Văn K 01 điện thoại Nokia TA-1080, 01 ví giả da; Nguyễn Tiến H 01 điện thoại Iphone 6S màu trắng, 01 ví giả da; Đỗ Văn B 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro; Hoàng Xuân B 01 ví giả da (tạm giữ để đảm bảo thi hành án).

(Tất cả có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/3/2020 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô).

Án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Đỗ Xuân O Đỗ Thị C, Nguyễn Tiến H, Lê Văn K, Đỗ Văn B, Hoàng Xuân B mỗi bị cáo phải chịu nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Vĩnh Phúc;
- VKSND Sông Lô;
- THADS Sông Lô;
- Công an Sông Lô;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- UBND xã N;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Trần Quốc Hồng